

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NẬM NHÙN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-01-2024

(V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con của Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không ĐKKH)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM NHÙN, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Đồng Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Phan Văn Thóc

2. Ông: Đặng Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông: Lý Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn tham gia phiên tòa:
Ông: Đặng Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con của Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không ĐKKH*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Giàng A D - Sinh năm 1978

Địa chỉ: Bản Pè Ngài 2, xã Nậm Pì, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Lý Thị C - Sinh năm 1977

Địa chỉ: Bản Pè Ngài 2, xã Nậm Pì, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu

(Vắng mặt không có lý do chính đáng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2023, Biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Giàng A D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A D và chị Lý Thị C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, chỉ tổ chức cưới theo phong tục không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh D, chị C chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách hai vợ chồng không hòa

hợp, thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Anh D, chị C đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên anh D làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng anh Giàng A D và chị Lý Thị C có 08 con chung là Giàng Thị Đ, sinh năm 1996; Giàng Thị D, sinh năm 1998; Giàng Thị S, sinh năm 2000; Giàng Thị D, sinh năm 2003; Giàng A H, sinh năm 2004; Giàng A C, sinh ngày 27/5/2007, Giàng Thị H, sinh ngày 14/11/2011 và Giàng A D, sinh ngày 14/10/2015. Hiện nay năm con chung là Giàng Thị Đ, Giàng Thị D, Giàng Thị S, Giàng Thị D và Giàng A H đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với ba con chung là Giàng A C, Giàng Thị H, Giàng A D trong đơn khởi kiện anh D có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba con chung cháu Giàng A C, Giàng Thị H và Giàng A D và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng và vay nợ chung: Anh Giàng A D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Lý Thị C: Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Toà án cho chị Lý Thị C: như Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị C đã từ chối, né tránh không nhận và không ký vào các biên bản của Tòa án, không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hoà giải được hai bên. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử tổng đạt cho chị Lý Thị C nhưng chị Lý Thị C vẫn từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án mà không có lý do, Tòa án đã tiến hành xác minh và lập biên bản về việc chị Lý Thị C cố tình từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án mà không có lý do và chị Lý Thị C cũng không có văn bản trả lời về việc anh Giàng A D có đơn xin ly hôn và việc nuôi con khi ly hôn. Vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Biên bản ghi lời khai ngày 24 tháng 11 năm 2023 của cháu Giàng A C, sinh ngày 27/5/2007, Giàng Thị H, sinh ngày 14/11/2011 và Giàng A D, sinh ngày 14/10/2015 thể hiện: Cháu Công, cháu Húa và cháu Đình là con chung của anh Giàng A D và chị Lý Thị C, các cháu không có tài sản riêng. Nay anh D, chị C ly hôn cháu Công, cháu Húa và cháu Đình có nguyện vọng được ở với anh D. Hiện tại cả ba con chung là cháu Giàng A C, Giàng Thị H và Giàng A D đang ở cùng với anh Giàng A D tại bản Pè Ngài 2, xã Nậm Pì, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Anh D làm ruộng và đi làm thuê thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng.

Tại biên bản xác minh ngày 03 tháng 11 năm 2023 giữa Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn và chính quyền địa phương xã Nậm Pì, huyện Nậm Nhùn xác định: Anh Giàng A D và chị Lý Thị C chung sống như vợ chồng từ năm 1996 cho đến nay, không đăng ký kết hôn chỉ tiến hành tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Chị C vẫn có mặt ở địa phương tại thời điểm giải quyết vụ án nhưng khi được tổng đạt các văn bản tố tụng của Toà án, chị C từ chối, né tránh

không nhận và không ký vào các biên bản giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án mà không có lý do, do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải được, đồng thời thông báo, niêm yết kết quả phiên họp theo quy định và đưa vụ án ra xét xử.

Ngay sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho chị Lý Thị C. Tuy nhiên chị Lý Thị C cố tình trốn tránh không nhận và không ký vào văn bản tố tụng của Tòa án mà không có lý do. Tại phiên tòa sơ thẩm xét xử ngày 19 tháng 01 năm 2024, bị đơn chị Lý Thị C vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Lý Thị C tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị Lý Thị C vẫn cố tình vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Giàng A D vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lý Thị C và giải quyết quan hệ con chung theo nội dung đơn xin ly hôn của anh D đã trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chị Lý Thị C không tuân thủ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nhằm trốn tránh nghĩa vụ tại các phiên họp và phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Khoản 2 Điều 53; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố nguyên đơn Giàng A D và bị đơn Lý Thị C không phải là vợ chồng. Về nuôi con chung: Giao cho anh Giàng A D sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung chưa thành niên là cháu Giàng A C, sinh ngày 27/5/2007 Giàng Thị H, sinh ngày 14/11/2011 và Giàng A D, sinh ngày 14/10/2015 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Giàng A D không có yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn anh

Giàng A D không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn nộp án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại bản Pè Ngài 2, xã Nậm Pì, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

Việc chị Lý Thị C đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn và con chung nhưng chị C cố tình không đến, tuy nhiên Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên Tòa hôm nay chị C vắng mặt, đây là lần thứ hai nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị Lý Thị C.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A D và chị Lý Thị C sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996, khi sống chung với nhau chỉ tổ chức làm đám cưới theo phong tục của địa phương mà không có đăng ký kết hôn, sống chung trên cơ sở tự nguyện. Theo lời khai của nguyên đơn Giàng A D thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách hai vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, cho ly hôn với chị C. Quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị C là quan hệ hôn nhân không hợp pháp do không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên bố nguyên đơn Giàng A D và bị đơn Lý Thị C không phải là quan hệ vợ, chồng.

[3]. Về việc nuôi con chung: Căn cứ vào các biên bản lấy lời khai của nguyên đơn và biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Pì, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu xác định: Trong thời gian chung sống như vợ chồng Anh Giàng A D và chị Lý Thị C có 08 con chung: Giàng Thị Đ, sinh năm 1996; Giàng Thị D, sinh năm 1998; Giàng Thị S, sinh năm 2000; Giàng Thị D, sinh năm 2003; Giàng A H, sinh năm 2004 đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ba con chung cháu Giàng A C, sinh ngày 27/5/2007, Giàng Thị H, sinh ngày 14/11/2011 và Giàng A D, sinh ngày 14/10/2015 đã trên 07 tuổi và nguyện vọng của các cháu là được ở cùng với bố, Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Giàng A

C, Giàng Thị H và Giàng A D hiện đang ở độ tuổi vị thành niên, là giai đoạn rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ để đảm bảo phát triển về thể chất, tinh thần và nhân cách, anh D có thu nhập ổn định, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh Giàng A D, giao cho anh D sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung chưa thành niên là cháu Giàng A C, sinh ngày 27/5/2007, Giàng Thị H, sinh ngày 14/11/2011 và Giàng A D, sinh ngày 14/10/2015 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Tại phiên tòa anh Giàng A D xin Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, xét đề nghị của nguyên đơn là có cơ sở vì anh D là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, do vậy đề Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Giàng A D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 9, Điều 15, Điều 53, Điều 54, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Giàng A D.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố anh Giàng A D và chị Lý Thị C không phải là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung:* Giao cho anh Giàng A D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Giàng A C, sinh ngày 27/5/2007, Giàng Thị H, sinh ngày 14/11/2011 và Giàng A D, sinh ngày 14/10/2015 cho đến khi ba con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Chị C có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh D. Anh D có quyền yêu cầu chị C cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản:* Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh Giàng A D được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm lên Toà án cấp trên. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết lên Toà án cấp trên./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn;
- Chi cục thi hành án Dân sự huyện Nậm Nhùn;
- UBND xã Nậm Pì, huyện Nậm Nhùn;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đồng Văn Dũng

